

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HS-ST

Ngày 12 - 8 - 2020

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V – TỈNH H**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hoàng Lâm

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Quang Điện và Bà Nguyễn Thị Thấn

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H tham gia phiên tòa:*** Bà Chu Thị Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2020/HSST ngày 30 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo: **D, sinh năm 1993**

Nơi ĐKHKTT: thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh H.

Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông D và bà Q; có vợ là N (đã ly hôn); con chưa có; tiền án, tiền sự: chưa có.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/4/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.

Có mặt.

***Bị hại:*** Anh H, sinh năm: 1993 – Vắng mặt

Trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh H.

Anh K, sinh năm 1988 – Vắng mặt

Trú tại: Bản L, xã C, huyện M, tỉnh S

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

Anh H, sinh năm 1990 – Vắng mặt

Trú tại: Tổ dân phố 14, thị trấn C, huyện C, thành phố H.

Chị N, sinh năm 1998 – Vắng mặt

Trú tại: Bản L, xã C, huyện M, tỉnh S

Ông Đ, sinh năm 1963 – Vắng mặt

Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: D sinh năm 1993 và anh H sinh năm 1993 có quan hệ bạn bè và đều ở cùng thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh H. Khoảng 20 giờ ngày 25/3/2020, D gọi điện thoại cho anh H và bảo anh H đến phòng trọ của D thuê ở thôn N, thị trấn N, huyện V để nhờ đưa D về nhà ở thôn Đ, xã Đ thì anh H đồng ý. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, anh H điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn cam đen bạc biển số 89F1-459.. đến phòng trọ ở thôn N, thị trấn N gặp D. Tại đây, D đã hỏi mượn chiếc xe mô tô trên của anh H để đi mua thuốc lá, anh H đồng ý đã giao chìa khóa xe mô tô nêu trên cho D. Do không có tiền tiêu sài cá nhân nên trên đường đi mua thuốc lá D đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên của anh H mang đi cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân. D liền điều khiển xe mô tô của anh H đến phòng trọ của đối tượng C (không rõ địa chỉ cụ thể) đang ở thị trấn T, thị xã M, tỉnh H và ở nhờ nhà C 2 ngày. Sau đó C chuyển phòng trọ đi nơi khác. Đến ngày 27/3/2020, D điều khiển chiếc xe mô tô trên đến gặp anh H ở tổ dân phố 14, thị trấn C, huyện C, thành phố H đang thuê phòng trọ tại thôn N, xã T, huyện V rồi hỏi vay anh H số tiền 4.000.000đ và hứa khoảng 2-4 ngày sẽ trả tiền cho anh H, đồng thời D để lại chiếc xe mô tô trên cho anh H để làm tin. Anh H không biết nguồn gốc chiếc xe trên là do phạm tội mà có nên đã đồng ý cho D để lại chiếc xe trên và đưa số tiền 4.000.000đ cho D. D cầm toàn bộ số tiền trên và tiêu sài cá nhân hết.

Đến khoảng 16 giờ ngày 04/4/2020, D đến phòng trọ của anh K sinh năm 1988 ở bản L, xã C, huyện M, tỉnh S (hiện đang thuê phòng trọ của gia đình ông M ở thôn H, xã L, huyện V, tỉnh H) chơi. Khi đến nơi D thấy anh K có dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số 26L1-038.. ở khu vực sân của phòng trọ. D đi vào phòng trọ của anh K ngồi chơi, sau đó anh K đi tắm, lúc này D quan sát không thấy ai, trên giường ngủ có chìa khóa xe mô tô, dưới đệm có ví giả da màu nâu. D liền lấy ví giả da màu nâu của anh K rồi mở ra lấy đăng ký của chiếc xe mô tô trên và lấy chìa khóa xe ở giường rồi đi ra khu vực sân phòng trọ trộm cắp chiếc xe mô tô trên của anh K. Sau khi lấy được xe, D điều khiển xe đến khu vực cầu M thuộc địa phận xã V, huyện V, tỉnh H bán cho anh H ở thôn K xã V, huyện V với giá 7.500.000đ. Anh H không biết chiếc xe trên là tài sản do D phạm tội mà có nên đã đồng ý mua và đưa số tiền trên cho D. D cầm tiền và tiêu sài cá nhân hết. Sau khi sự việc xảy ra, anh H, anh K đã có đơn trình báo gửi Cơ quan CSĐT-Công an huyện V. Đến ngày 16/4/2020, D bị bắt theo Lệnh bắt bị can để tạm giam của Cơ quan CSĐT-Công an huyện V. Cùng ngày, anh Q (là hàng xóm của ông M) ở thôn H, xã L, huyện V tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT-Công an huyện V 01 đoạn video ghi lại

hình ảnh D trộm cắp chiếc xe mô tô của anh K nêu trên. Đến ngày 22/4/2020 ông Đ (bố của D) đã gặp chị N (bạn gái của anh H) và anh H để chuộc lại 02 chiếc xe mô tô trên, sau đó ông Đ tự nguyện mang đến giao nộp cho Cơ quan CSĐT-Công an huyện V để phục vụ điều tra.

Ngày 16/4/2020 Hội đồng định giá tài sản huyện V đã tiến hành định giá và kết luận: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn cam đen bạc biển số 89F1-459..của anh H tại thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá 14.000.000đ; chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số 26L1-038.. của anh K tại thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá 13.000.000đ.

Ngày 01/5/2020 Viện khoa học hình sự- Bộ công an đã tiến hành giám định và kết luận: 01 USB nhãn hiệu King Ston bên trong có 01 file video không có dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa.

Quá trình điều tra xác định: Bị can D đã tác động được ông Đ (là bố của D) đã tự nguyện chuộc lại 02 chiếc xe mô tô trên và giao nộp cho Cơ quan điều tra. Ngày 28/5/2020 Cơ quan CSĐT-Công an huyện V đã trả lại anh H chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn cam đen bạc biển số 89F1-459., trả lại anh K chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số 26L1-038... Anh H, anh K đã nhận lại tài sản và tự nguyện không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Anh H bạn gái nhận thay anh H số tiền 4.000.000đ và đều không có yêu cầu bồi thường gì.

Tại bản Cáo trạng số 38/CT-VKS ngày 30/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 và khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

**Tại phiên tòa**, đại diện Viện kiểm sát duy trì công tố giữ nguyên quyết định truy tố hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị áp dụng:

Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 175; khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: bị cáo D phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày 16/4/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

**Về biện pháp tư pháp:**

Về trách nhiệm dân sự: đã giải quyết xong nên không cần đặt ra để xét.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp khách quan với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Đó là các chứng cứ như: Đơn trình báo, lời khai của người bị hại, bản tự khai, lời khai của bị cáo và lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người người làm chứng. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận:

Do không có tiền tiêu sài cá nhân nên khoảng 20 giờ 30 phút ngày 25/3/2020 tại thôn N, thị trấn N, huyện V, tỉnh H, D đã có hành vi hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn cam đen bạc biển số 89F1-459.. có trị giá 14.000.000 đồng của anh H ở thôn Đ, xã Đ, huyện Y để đi mua thuốc lá, sau đó thì mang đi cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân. Đến khoảng 16 giờ ngày 04/4/2020 tại thôn H, xã L, huyện V, D đã có hành vi lén lút bí mật chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số 26L1-038.. có trị giá 13.000.000 đồng của anh K ở bản L, xã C, huyện M, tỉnh S, sau đó mang đi bán và tiêu sài cá nhân hết.

Với hành vi nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V đó truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175; khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trong vụ án này bị cáo thực hiện hành vi độc lập, tội phạm đã hoàn thành. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, lợi dụng việc quen biết bị cáo đã hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn cam đen bạc biển số 89F1-459.. có trị giá 14.000.000 đồng của anh H; lợi dụng sự sơ hở của anh K bị cáo đã lén lút bí mật chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số 26L1-038.. có trị giá 13.000.000 đồng của anh K để mang đi cầm cố và bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Cả hai bị hại trong vụ án đều có sự quen biết đối với bị cáo.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân đ-ợc pháp luật bảo vệ. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của ng-ời khác là vi phạm pháp luật, là phạm tội, nh-ng với động cơ mục đích t- lợi cá nhân nên bị cáo đã phạm tội với lỗi cố ý. Hội đồng xét xử sẽ áp dụng hình phạt tù, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo và làm bài học cho các hành vi tương tự khác xảy ra. Nh-ng cũng xét đến tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã tác động gia đình chuộc xe để trả lại tài sản cho bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ đ-ợc quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử có căn cứ giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Về hình phạt bổ sung: xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về các biện pháp t- pháp:

Về trách nhiệm dân sự:

Công an huyện V đã trả lại anh H chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn cam đen bạc biển số 89F1-459., trả lại anh K chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số 26L1-038... Anh H, anh K đã nhận lại tài sản và tự nguyện không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Anh H đã nhận lại số tiền 7.500.000đ, anh H đã nhờ chị N là bạn gái nhận thay anh H số tiền 4.000.000đ và đều không có yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xét.

Đối với số tiền mà ông Đ (bố bị cáo) bỏ ra để chuộc lại xe trả cho bị hại, ông Đ không yêu cầu gì đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban th-ởng vụ Quốc hội quy định về thu, nộp miễn giảm án phí, lệ phí tòa án. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH :**

**Tuyên bố:** bị cáo D phạm hai tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Trộm cắp tài sản”.

**Áp dụng:** điểm a khoản 1 Điều 175; khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo D 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng

hợp hình phạt chung cho cả hai tội là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời gian tù tính từ ngày 16 tháng 4 năm 2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

**Về án phí:** Buộc bị cáo D phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo đ- ợc quyền kháng cáo nên Tòa án nhân dân tỉnh H để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- VKS, Công an huyện V
- Bị cáo, Bị hại
- Người liên quan
- L- u HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hoàng Lâm**